TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ KON TUM** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 21-8-2017
V/v "ly hôn, tranh chấp nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông A Brưk.

2. Bà Nguyễn Thị Sương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hà Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum.

Ngày 21 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 192/2017/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2017 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Q, sinh năm 1976. (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh D, sinh năm 1978. (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn P, phường L, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/4/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh D tự nguyện kết hôn và đã được Uỷ ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Nghệ An cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 04/7/2000. Sau khi kết hôn, chúng tôi chung sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Anh D còn thường xuyên rượu chè về chửi bới, xúc phạm tôi. Chúng tôi đã ly thân thời

gian rất dài, mạnh ai nấy sống, không quan tâm nhau từ năm 2011 đến nay. Tôi cảm thấy không còn tình cảm với anh D nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn.

Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung là Đ, sinh ngày 12/12/2000. Khi ly hôn, tôi có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh D đã được Tòa án thông báo, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn cố tình không đến tòa án để làm việc và vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Q và anh D tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Nghệ An vào ngày 04/7/2000 theo đúng quy định của pháp luật, không vi phạm điều kiện kết hôn. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị Q và anh D là hôn nhân hợp pháp.

[2] Xét thấy sau khi kết hôn, chị Q và anh D chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Anh D còn thường xuyên rượu chè, chửi bới, xúc phạm chị Q.

[3] Tại phiên tòa hôm nay, chị Q khẳng định không còn tình cảm, thương yêu gì với anh D nên tha thiết xin được ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Q và anh D đã thực sự trầm trọng, dẫn đến việc vợ chồng sống ly thân từ năm 2011 đến nay. Điều đó chứng tỏ cuộc sống vợ chồng thời gian qua không có hạnh phúc, không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc cho nhau. Như vậy, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị Q với anh D là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, con chung là do một mình chị Q chăm sóc, nuôi dưỡng và hiện cháu Đ đã có cuộc sống ổn định với mẹ. Bên cạnh đó, cháu Đ cũng có nguyện vọng ở với mẹ. Do đó, giao con chung là Đ, sinh ngày 12/12/2000 cho chị Q chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

[5] Chị Q không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh D có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

[6] Về tài sản chung, do không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Đối với bị đơn anh D đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng của vụ án nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Như vậy, anh D đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[8] Về án phí: Chị Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận đơn khởi kiện về việc "ly hôn, tranh chấp nuôi con" của chị Q, đơn đề ngày 24/4/2017.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Q được ly hôn anh D.

Về con chung: Giao con chung là Đ, sinh ngày 12/12/2000 cho chị Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Chị Q không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung. Anh D có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Áp dụng khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 6, 18, 19, khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Q phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền số 0008245 ngày 15/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Kon Tum. Chị Q đã nộp đủ án phí.

Căn cứ các Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (21-8-2017), nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại UBND xã, phường nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh KonTum;
- VKSND TP KonTum;
- Chi cục THADS.TP KonTum;
- Các đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

ĐỖ VĂN TOÀN